

Số: 3346/TB-CT

An Giang, ngày 01 tháng 9 năm 2020

THÔNG BÁO

Về đối tượng và hồ sơ, trình tự, thủ tục xử lý nợ

Ngày 15/7/2020, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 69/2020/TT-BTC quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục khoan nợ tiền thuế, xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp (gọi chung là xử lý nợ) đối với người nộp thuế (NNT) còn nợ phát sinh trước ngày 01/7/2020 mà không còn khả năng nộp NSNN theo Nghị quyết số 94/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội. Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết số 94/2019/QH14 có hiệu lực thi hành (01/7/2020) và được tổ chức thực hiện trong thời hạn 03 năm kể từ ngày có hiệu lực thi hành.

Nhằm để doanh nghiệp (DN), tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh nắm bắt kịp thời những quy định về chính sách pháp luật thuế, Cục Thuế tỉnh An Giang thông tin đến NNT về đối tượng và hồ sơ, trình tự, thủ tục xử lý nợ theo Thông tư số 69/2020/TT-BTC như sau:

1. Đối tượng được xử lý nợ

Đối tượng được xử lý nợ quy định cụ thể tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và khoản 7 Điều 4 Nghị quyết số 94/2019/QH14, là NNT nợ tiền thuế, tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp phát sinh trước ngày 01/7/2020 mà không còn khả năng nộp NSNN thuộc một trong các trường hợp sau: NNT đã chết, người bị Tòa án tuyên bố là đã chết, mất tích hoặc mất năng lực hành vi dân sự (1); NNT giải thể (2); NNT phá sản (3); NNT không còn hoạt động kinh doanh (4); NNT đã bị cơ quan có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận, giấy phép hoặc cơ quan quản lý thuế có văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận, giấy phép (5); NNT bị thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ (6); NNT cung ứng hàng hóa, dịch vụ được thanh toán trực tiếp bằng nguồn vốn NSNN nhưng chưa được thanh toán (7).

2. Hồ sơ và trình tự, thủ tục khoan nợ tiền thuế

Đối với NNT thuộc đối tượng được khoan nợ tiền thuế theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 và khoản 5 Điều 4 Nghị quyết số 94/2019/QH14, bộ phận quản lý nợ hoặc bộ phận được phân công xử lý nợ thuộc cơ quan quản lý thuế nơi NNT nợ tiền thuế lập đầy đủ hồ sơ khoan nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 và khoản 1 Điều 12 của Thông tư số 69/2020/TT-BTC. Trường hợp chưa đầy đủ hồ sơ thì cơ quan quản lý thuế phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan để bổ sung hồ sơ.

Cơ quan quản lý thuế thực hiện trình tự, thủ tục khoan nợ tiền thuế theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 69/2020/TT-BTC.

3. Hồ sơ và trình tự, thủ tục xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp

3.1. Đối với NNT thuộc đối tượng được xóa nợ theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 và khoản 5 Điều 4 Nghị quyết số 94/2019/QH14

Căn cứ từng đối tượng được xóa nợ theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 và khoản 5 Điều 4 Nghị quyết số 94/2019/QH14, Chi cục Thuế hoặc Chi cục Hải quan; Cục Thuế hoặc Cục Hải quan, Cục Kiểm tra sau thông quan nơi NNT nợ tiền thuế lập đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 và khoản 2 Điều 12 của Thông tư số 69/2020/TT-BTC. Trường hợp chưa đầy đủ hồ sơ thì bộ phận quản lý nợ hoặc bộ phận được phân công xử lý nợ thuộc các đơn vị nêu trên báo cáo lãnh đạo đơn vị phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để bổ sung hồ sơ.

Cơ quan quản lý thuế thực hiện trình tự, thủ tục xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp theo quy định tại Điều 16 Thông tư số 69/2020/TT-BTC.

3.2. Đối với NNT thuộc đối tượng được xóa nợ theo quy định tại khoản 6 và khoản 7 Điều 4 Nghị quyết số 94/2019/QH14

NNT lập đầy đủ hồ sơ xóa nợ theo quy định, gửi đến cơ quan quản lý thuế nơi NNT nợ tiền thuế, cụ thể như sau:

- Trường hợp NNT bị thiệt hại vật chất do thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ thuộc đối tượng được xóa nợ theo quy định tại khoản 6 Điều 4 Nghị quyết số 94/2019/QH14 thì lập đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 1, 3, 4, 5, 7 và khoản 8 Điều 13 Thông tư số 69/2020/TT-BTC, bao gồm:

+ Văn bản đề nghị xóa nợ của NNT gửi đến cơ quan quản lý thuế nơi NNT nợ tiền thuế theo mẫu số 02/VBDN-1 ban hành kèm theo Thông tư này.

+ Văn bản xác nhận NNT bị thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ và thời gian, địa điểm xảy ra của một trong các cơ quan, tổ chức sau: công an xã, phường, thị trấn; UBND xã, phường, thị trấn; Ban quản lý Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu kinh tế nơi xảy ra thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ; tổ chức cứu hộ, cứu nạn; cơ quan có thẩm quyền công bố dịch bệnh (bản chính hoặc bản sao có chứng thực).

+ Biên bản kiểm kê, đánh giá giá trị thiệt hại vật chất do NNT hoặc người đại diện hợp pháp của NNT lập (bản chính hoặc bản sao có chứng thực).

+ Biên bản xác định giá trị thiệt hại vật chất của cơ quan có thẩm quyền như: tổ chức kiểm toán độc lập hoặc cơ quan thẩm định giá hoặc cơ quan bảo hiểm (bản chính hoặc bản sao có chứng thực).

+ Hồ sơ bồi thường thiệt hại vật chất được cơ quan bảo hiểm chấp nhận bồi thường theo quy định của pháp luật (bản chính hoặc bản sao có chứng thực) (nếu có); hồ sơ quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân phải bồi thường theo quy định của pháp luật (bản chính hoặc bản sao có chứng thực) (nếu có).

+ Các Quyết định miễn tiền chậm nộp, Quyết định gia hạn nộp thuế kể từ thời điểm Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 có hiệu lực thi hành đến thời điểm đề nghị xóa nợ (bản chính hoặc bản sao có ký, đóng dấu) (nếu có).